

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN BÀN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 02/3/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Trọng Trung.

2. Bà Phạm Thị Lan Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm- Hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2021 giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Chị Triệu Cù M - Sinh năm 1998

ĐKHKTT: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Tạm trú: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Triệu Ông N - Sinh năm 1996

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt không có lý do.

3. Những người làm chứng:

+ Ông Phùng Thừa M - Sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai

+ Ông Triệu Văn P - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai

+ Ông Lý Ông N - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai

+Ông Triệu Phúc M - sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

+Chị Triệu Thị M - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai

+Ông Hoàng Văn Đ – sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Triệu Cù M trình bày: Chị và anh Triệu Ông N có tình cảm và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách, sinh hoạt và nuôi dạy con, anh N còn ham chơi, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh N cũng nhiều lần đánh chị. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào ngày 10/6/2019 chị bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm và quan hệ tình cảm với nhau nữa. Mâu thuẫn của hai vợ chồng chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Nay chị xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Ông N.

Về con: Chị Triệu Cù M xác định chị không có con riêng, bản thân chị hiện không mang thai. Chị và anh N có 02 người con chung là cháu Triệu Nguyên Đ - Sinh ngày 05/8/2016 và cháu Triệu Nguyên M - Sinh ngày 11/4/2018, cả hai cháu đang ở cùng anh Triệu Ông N. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Nguyên Đ và giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Nguyên M đến khi cháu Đ, cháu M đủ 18 tuổi. Chị và anh N không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và vay nợ: Chị Triệu Cù M xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phần bị đơn anh Triệu Ông N sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý và các loại văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định. Tuy nhiên bị đơn không chấp hành các giấy triệu tập và yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án. Quá trình điều tra tại gia đình anh Triệu Ông N và chính quyền địa phương xác nhận anh N vẫn có mặt tại địa phương và gia đình đã giao giấy triệu tập và các văn bản tố tụng, nhưng anh N không chấp hành, không có mặt tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định; xác

minh nơi ở, hộ khẩu thường trú, mâu thuẫn của hai vợ chồng anh N, chị M theo quy định.

Tại phiên Tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 78 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát huyện Văn Bàn về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Triệu Cù M được ly hôn với anh Triệu Ông N.

Về con chung: Giao cháu Triệu Nguyên M - Sinh ngày 11/4/2018 cho chị Triệu Cù M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đến khi cháu M đủ 18 tuổi; Giao cháu Triệu Nguyên Đ - Sinh ngày 05/8/2016 cho anh Triệu Ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí: Chị Triệu Cù M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Cù M và anh Triệu Ông N có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai, nên việc chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn theo quy định tại khoản 1 điều 28; Khoản 1 điều 35; Khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Cù M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Triệu Ông N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Triệu Cù M và anh Triệu Ông N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/12/2016 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai, như vậy quan hệ hôn nhân của chị M và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách, sinh hoạt và nuôi dạy con, anh N còn ham chơi, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào ngày 10/6/2019 chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm và quan hệ tình cảm với nhau nữa. Mâu thuẫn của hai vợ chồng chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Như vậy quan hệ hôn nhân của anh N chị M đã trầm trọng, hai người sống ly thân nhau đã lâu, không có cách nào khắc phục để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị M xác định hai vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Triệu Nguyên Đ, sinh ngày 05/8/2016 và cháu Triệu Nguyên M, sinh ngày 11/4/2018. Xét thấy hiện nay cháu Đ đang ở cùng anh N nên giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp. Đối với cháu Triệu Nguyên M- Sinh ngày 11/4/2018, hiện nay cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, xét nguyện vọng của chị M muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, nên cần giao cháu M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Xét thấy chị M và anh N đều là lao động phổ thông ở nông thôn nên mức thu nhập là tương đương nhau và đương sự không yêu cầu cấp dưỡng, nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản và vay nợ: Chị Triệu Cù M xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không cho ai vay nợ gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đề cập vấn đề giải quyết.

Về án phí: Chị Triệu Cù M phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 điều 228; Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 56; Điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Cù M;
  - Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Cù M được ly hôn anh Triệu Ông N.
  - Về quan hệ con chung: Giao cháu Triệu Nguyên Đ - Sinh ngày 05/8/2016 cho anh Triệu Ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu

Triệu Nguyên Đ đủ 18 tuổi; Giao cháu Triệu Nguyên M - Sinh ngày 11/4/2016 cho chị Triệu Cù M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Triệu Nguyên M đủ 18 tuổi.

Chị Triệu Cù M và anh Triệu Ông N không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2, Về án phí: Chị Triệu Cù M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AC/2012/0001710 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Triệu Cù M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Triệu Ông N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã N (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Nghĩa**

